

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GD
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 112/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2019

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyền;
2. Ông Nguyễn Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham phiên tòa: Ông Trần Anh Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 514/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết T, sinh năm: 1984; địa chỉ: Tổ 38, ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh TN; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Vĩnh P, sinh năm: 1985; địa chỉ: Ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh TN; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-6-2019 và biên bản lấy lời khai ngày 19-7-2019, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết T trình bày:

Chị và anh Huỳnh Vĩnh P chung sống với nhau năm 2016, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn nhưng có làm lễ tuyên

bố. Nữ trang trong ngày lễ tuyên bố gồm 01 cặp nhẫn cưới, 01 sợi dây chuyền và 01 chiếc lắc tay. Hiện số nữ trang không còn do anh P đã bán hết. Sau lễ tuyên bố anh chị thuê nhà trọ sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 03-2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh P ăn chơi, ham mê cờ bạc không lo cho gia đình. Chị nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh không nghe. Vợ chồng ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay, từ ngày ly thân không ai tìm cách hàn gắn gia đình nên chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhiều lần triệu tập anh Huỳnh Vĩnh P đến Tòa án làm việc nhưng anh P vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy lời khai và hòa giải được. Qua xác minh, bà Nguyễn Thị Xum là mẹ ruột anh P trình bày: Anh P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại nhà bà ở ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh TN. Anh P và chị T chung sống vợ chồng khoảng hơn 02 năm, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn nhưng gia đình hai bên có gặp mặt nhau và chấp thuận cho anh chị chung sống vợ chồng. Nữ trang ngày giáp mặt gồm 01 cặp nhẫn cưới, 01 sợi dây chuyền và 01 chiếc lắc tay. Hiện số nữ trang không còn hay không bà không biết. Khoảng tháng 6 năm 2019 vợ chồng anh P giận nhau và ly thân, P sống tại nhà bà cho đến nay. Những lần Tòa án gửi văn bản tố tụng anh P đều nhận được nhưng do anh P bận đi làm nên không đến Tòa làm việc theo yêu cầu của Tòa án được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Lê Thị Tuyết T và anh Huỳnh Vĩnh P là vợ chồng. Về con chung: Anh chị khai không có con chung nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị không tranh chấp nên không giải quyết. Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết T chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Vĩnh P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Chị Lê Thị Tuyết T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh P và chị T tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết T và anh Huỳnh Vĩnh P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 không đăng ký kết hôn. Xét thấy chị T và anh P có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nên theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh P.

[3] Về con chung: Anh chị khai không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không tranh chấp nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 227, 228, **273** Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận chị Lê Thị Tuyết T và anh Huỳnh Vĩnh P là vợ chồng.
2. Về con chung: Anh chị khai không có con chung nên không đặt ra giải quyết.
3. Về tài sản chung: Anh chị tranh chấp nên không giải quyết.
4. Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết T chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009410 ngày 02-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD, chị T đã nộp đủ.

Chị T và anh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- CC THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Bình

